

# Một số mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu

ThS. Lại Lâm Anh  
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung vào hai vấn đề chính: Thứ nhất là vấn đề về nội hàm của mô hình phát triển kinh tế, các căn cứ để có thể phân chia thành các mô hình phát triển kinh tế khác nhau; Thứ hai là nghiên cứu một số mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu hiện nay mà trọng tâm là một số đặc trưng cũng như điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển của các mô hình này.

## 1. Nội hàm mô hình phát triển kinh tế

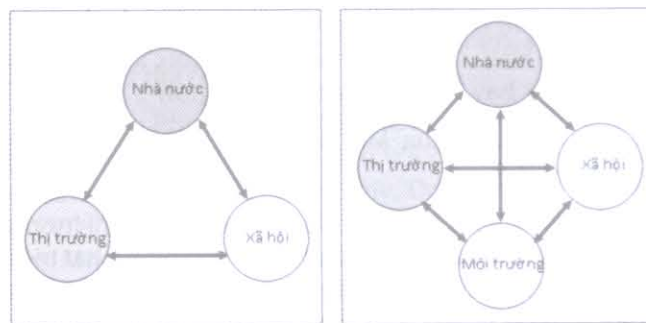
Mô hình phát triển kinh tế về bản chất chính là các quan điểm cơ bản nhất về sự phát triển kinh tế thông qua các biến số kinh tế trọng yếu và mối liên hệ giữa chúng dưới dạng các “công thức”. Mỗi liên hệ này có thể dưới dạng biểu thức toán học, có thể là dạng sơ đồ hay bảng biểu hoặc cũng có thể là dạng hệ các quan điểm về phát triển kinh tế<sup>1</sup>.

Theo quan điểm truyền thống, để xây dựng mô hình phát triển kinh tế người ta thường dựa trên ba tiêu chí là (1) Nhà nước; (2) Thị trường; (3) Xã hội. Cũng căn cứ vào các tiêu chí này mà người ta chia ra làm nhiều trường phái và mô hình phát triển kinh tế.

Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do đề cao vai trò dẫn dắt của thị trường như là “Bàn tay vô hình”. Ngược lại, trong học thuyết của nhà kinh tế học Anh John Maynard Keynes lại đề cao vai trò của “Nhà nước” trong việc điều tiết thị trường như là “Bàn tay hữu hình”. Một số quốc gia dựa vào học thuyết kinh tế chính trị Mác-Lênin để xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa lại lấy Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa tập trung phi thị trường để phát triển kinh tế. Bên cạnh các tiêu chí về thị trường và nhà nước thì nhiều quốc gia lại lấy tiêu chí xã hội làm trọng, coi trọng việc đảm bảo phúc lợi xã hội, an sinh xã hội và phát triển cộng đồng,... Hiện nay, cùng với sự phát triển của toàn cầu hóa, khu vực hóa là sự phát triển của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ đã làm cho kinh tế phát triển nhanh chóng, tạo ra nhiều của cải vật chất hơn,

dẫn tới tiêu thụ nhiều năng lượng hơn và môi trường ô nhiễm nhiều hơn nên trong việc phân định các mô hình phát triển kinh tế người ta còn tính đến cả nhân tố phát triển nền kinh tế xanh và phát triển kinh tế khu vực.

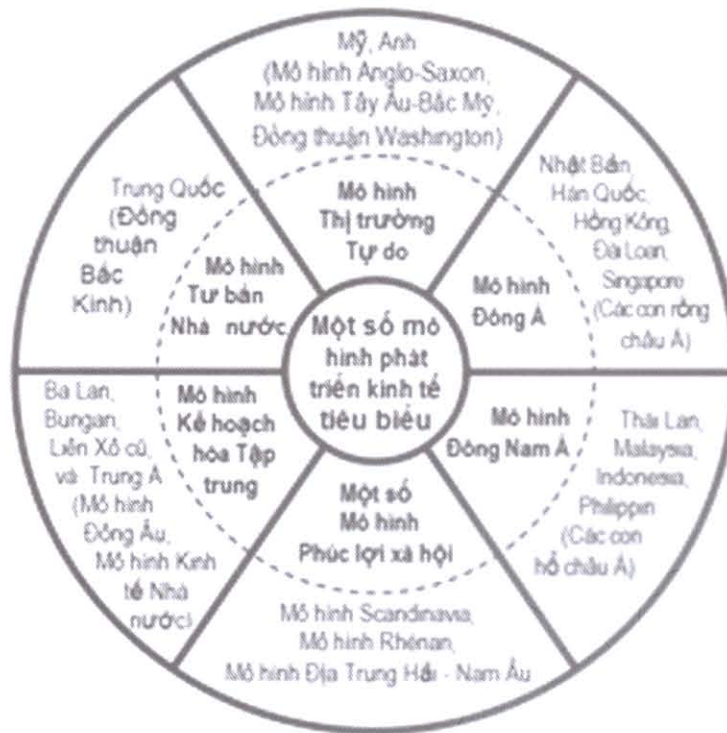
Hình 1: Các tiêu chí phân loại mô hình phát triển kinh tế



Trong thực tiễn phát triển thì ngoài các tiêu chí trên còn có rất nhiều các tiêu chí khác để phân các mô hình phát triển thành các loại khác nhau. Qua mỗi thời gian, mỗi thời kỳ thì các quốc gia đều có sự điều chỉnh mô hình phát triển của mình cho phù hợp. Có lúc nhấn mạnh vai trò của thị trường, có khi nhấn mạnh vai trò của nhà nước, có lúc lại đề cao vai trò tham gia của các tổ chức xã hội cũng như các nhân tố khác.

Thực tế phát triển của thế giới cùng với sự tương đối trong phân định các mô hình phát triển kinh tế

Hình 2: Một số mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu



Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương

như đã nói ở trên, chúng ta có thể thấy nổi lên sáu mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu (Hình 2).

## 2. Một số mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu

### 2.1. Mô hình phát triển kinh tế thị trường tự do

Trong một số trường hợp Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do còn được người ta dùng bằng một số thuật ngữ khác như Mô hình Anglo-Saxon, Mô hình Tây Âu-Bắc Mỹ hay “Đồng thuận Washington”.

a. Đặc trưng của Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do

Tiêu biểu cho Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do là Anh và Mỹ. Đây được coi là mô hình phát triển kinh tế tư bản khá thành công với nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh mà trong đó sự can thiệp của nhà nước là vô cùng nhỏ.

Đề cao kinh tế thị trường tự do mà giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước là đặc trưng nổi bật nhất của mô hình này. Mọi hoạt động kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường dưới sự dẫn dắt của “bàn tay vô hình”. Tức là, để các chủ thể trong nền kinh tế được tự do phát triển, tự do cạnh tranh. Mọi hoạt động phát triển kinh tế được thúc đẩy bởi lợi ích cá nhân. Mỗi cá nhân phát triển tức là góp phần tạo ra lợi ích lớn hơn cho xã hội phát triển. Bên cạnh đó, việc phát triển kinh tế thị trường đã giúp phát triển sản xuất những mặt hàng vốn là lợi thế của mình và tự bóp chết những mặt hàng

vốn không là lợi thế của mình.

Nền kinh tế theo Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do được đặc trưng bởi sở hữu tư nhân. Quyền sở hữu tư nhân và quyền tự do sản xuất kinh doanh được bảo vệ về mặt pháp luật và được coi như là một quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của con người. Trong mô hình này, họ cho rằng nền kinh tế phát triển chủ yếu dựa vào sở hữu tư nhân hoạt động hiệu quả hơn so với nền kinh tế chủ yếu dựa vào sở hữu nhà nước.

Do phát triển kinh tế thị trường, đề cao thị trường mà mô này trở thành “Mô hình nhà nước tối thiểu, thị trường tối đa”. Nhà nước chỉ luôn đứng vai trò là người quản lý, tạo hành lang pháp lý cho thị trường hoạt động và luôn tìm cách giảm thiểu sự can thiệp vào thị trường, chỉ can thiệp khi thực sự thấy cần thiết. Không những thế, nhà nước còn luôn tìm cách thu hẹp sự phình ra của mình. Trong nhiều trường hợp nhà nước còn tìm cách thực hiện tư nhân hóa các hoạt động của nhà nước.

Thực tế cho thấy, nền kinh tế các quốc gia theo mô hình này như Mỹ và Anh không phải là hoàn toàn để thị trường phát triển tự do mà vẫn có sự can thiệp của nhà nước vào các nhóm lợi ích trong xã hội. Nhiều ngành nghề vẫn được sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước như nông nghiệp, đường sắt,... Nhà nước cũng thường xuyên can thiệp vào nền kinh tế để điều chỉnh những tình huống mà ở đó hệ thống giá cả không hoạt

động tốt như điều tiết thị trường, chống độc quyền, chống bán phá giá,... và ngăn chặn lũng đoạn thị trường. Bên cạnh đó, nhà nước cũng giải quyết các vấn đề nằm ngoài phạm vi của lực lượng thị trường như cung cấp phúc lợi và trợ cấp thất nghiệp cho người không có khả năng tự trang trải do gặp rủi ro trong cuộc sống hoặc bị mất việc làm bởi biến động kinh tế đột ngột. Nhà nước cũng thanh toán các chi phí chăm sóc y tế cho người già và những người sống trong hoàn cảnh khó khăn. Nhà nước điều tiết ngành công nghiệp tư nhân nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường. Nhà nước cung cấp những khoản vay với lãi suất thấp cho những người bị thiệt hại do thiên tai,...

#### b. Điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển

Điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển của Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do thường gắn với sự ra đời, tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Quá trình hình thành và phát triển này bắt đầu từ chủ nghĩa tư bản Anh và Hà Lan ở thế kỷ 18. Sau cách mạng Pháp cuối thế kỷ 18 đã lan dần sang toàn Châu Âu. Tuy nhiên Adam Smith đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống lý luận về chủ nghĩa tư bản tự do hay tự do kinh tế. Đây chính là tiền đề lý luận cho sự ra đời Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do.

Mô hình này đã có một quá trình phát triển mạnh mẽ nhưng tới khi thế giới nổ ra cuộc khủng hoảng 1929-1933 thì vai trò của nhà nước lại phát huy tác dụng để giúp nền kinh tế vượt qua và phục hồi sau khủng hoảng. Chính từ cuộc khủng hoảng này, nhà kinh tế học người Anh John Maynard Keynes đã cho ra đời học thuyết của mình đề cao vai trò của nhà nước. Keynes đã chứng minh rằng, muốn thoát khỏi khủng hoảng, lạm phát và thất nghiệp thì nhà nước phải điều tiết nền kinh tế và bác bỏ khái niệm “Nhà nước tối thiểu” của Adam Smith.

Tới năm 1944, một học giả có quan điểm đối lập với J. M. Keynes là Friedrich August Von Hayek đã đưa ra ý tưởng về phát triển kinh tế “thị trường tối đa, nhà nước tối thiểu” làm tiền đề cho chủ nghĩa tự do mới (Neo-Liberalism). Nhưng phải đến đầu những năm 1980, chủ nghĩa tự do mới mới được Tổng thống Mỹ Ronald Reagan và Thủ tướng Anh Margaret Thatcher chính thức áp dụng trên thực tế.

Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do sau khi được ca tụng và phát triển mạnh mẽ ở Mỹ và Anh, dần dần đã được nhiều nước trong tổ chức OECD và một số nước phát triển ở châu Á, châu Phi và nhất là Mỹ Latinh làm theo. Từ đầu những năm 1980, nhiều nước đã điều chỉnh cơ cấu kinh tế của mình dưới sự ảnh hưởng của phương châm hành động của “Đồng thuận Washington”<sup>2</sup>. “Đồng thuận Washington” ra đời năm 1989 từ cuộc họp giữa Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân

hàng Thế giới (WB) và Bộ Tài chính Mỹ. Nội dung của Đồng thuận này bao gồm mười điểm: kỷ luật tài chính, các ưu tiên chi tiêu công, cải cách thuế, lãi suất, ngoại hối, tự do hóa thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tư hữu hóa, giảm bớt sự can thiệp của Chính phủ vào hoạt động của các doanh nghiệp, và quyền sở hữu. Từ đây, “Đồng thuận Washington” đã được coi như Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do.

Khủng hoảng kinh tế thế giới 2007-2008 đã làm cho Thị trường Tài chính phố Wall sụp đổ, nhiều ngân hàng phá sản, thị trường tài chính đóng băng. Khủng hoảng nhanh chóng lan sang châu Âu và nhiều quốc gia khác trên toàn thế giới.

Tiếp theo khủng hoảng kinh tế là vấn đề khủng hoảng nợ công của Mỹ và nhiều quốc gia khác trên thế giới đã buộc người ta phải suy nghĩ lại về Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do. Nhà nước khuyến khích người dân tiêu dùng thái quá (tiêu dùng vượt quá khả năng thanh toán) đồng thời nhà nước buông lỏng sự điều tiết kinh tế là hai nguyên nhân chính dẫn đến cuộc khủng hoảng ở các quốc gia theo mô hình này.

Mỹ và nước theo Mô hình Phát triển kinh tế Thị trường tự do đã có nhiều điều chỉnh trong mô hình phát triển kinh tế của mình để tiếp tục vượt qua khỏi khủng hoảng và phát triển. Tuy chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng nhưng người ta vẫn tin tưởng mô hình này sẽ tiếp tục tồn tại và phát triển một cách mạnh mẽ.

## 2.2. Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa tập trung phi thị trường

### a. Đặc trưng của Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa phi thị trường

Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa tập trung phi thị trường thường gắn liền với các nước Đông Âu và Liên bang Xô Viết trước đây. Do đó, trong một số trường hợp người ta dùng thuật ngữ Mô hình Đông Âu hay Mô hình phát triển kinh tế nhà nước để chỉ các nước phát triển kinh tế theo mô hình này. Tiêu biểu cho Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa tập trung phi thị trường là Ba Lan, Bungari, Đông Đức, Tiệp Khắc, Hungary, Liên Xô cũ và Trung Á... Tuy nhiên, hầu như các quốc gia này đều đã có sự điều chỉnh trong mô hình phát triển kinh tế của mình.

Trong mô hình này, Nhà nước đóng vai trò chủ đạo và có ý nghĩa quyết định trong phát triển kinh tế. Đây là mô hình nhấn mạnh đến vai trò của nhà nước và của kinh tế nhà nước. Trong nền kinh tế, việc sản xuất cái gì? sản xuất cho ai? sản xuất bao nhiêu, và sản xuất như thế nào đều do nhà nước quyết định.

Chế độ sở hữu nhà nước và chế độ sở hữu tập thể

về tư liệu sản xuất được xác lập, nhà nước xóa bỏ mọi chế độ sở hữu được coi là phi xã hội chủ nghĩa để xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thuần nhất và được quản lý bằng một hệ thống chỉ tiêu kế hoạch hóa pháp lệnh từ trên giao xuống đối với cả sản xuất, phân phối và tiêu dùng sản phẩm.

**b. Điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển**

Mô hình Phát triển kinh tế Kế hoạch hóa tập trung phi thị trường được ra đời và phát triển dựa trên học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lê nin về xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Mô hình này thường gắn liền với sự hình thành và phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô cũ và các nước Trung và Đông Âu từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, sau đó lan sang một số nước châu Á (như Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên,...), châu Mỹ Latinh (Cu Ba,...) và châu Phi (như Yemen, Êtiopia, Angola,...). Mô hình này trong một giai đoạn của lịch sử cũng đạt được một số thành tựu đáng kể và đã từng trở thành một đối trọng với các nước phát triển kinh tế theo Mô hình Phát triển Kinh tế thị trường tự do.

Tuy nhiên, từ những năm 1970, mô hình này đã bắt đầu bộc lộ nhiều khuyết tật của một nền kinh tế thiếu năng động và xơ cứng. Mặt khác, do cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ dần dần đã biến thành tập trung quan liêu và chế độ phân phối lao động trên danh nghĩa nhưng trên thực tế lại là theo chủ nghĩa bình quân, nên dần dần nền kinh tế của các quốc gia theo mô hình này đã rơi vào tình trạng trì trệ, suy thoái và dẫn tới khủng hoảng. Vào đầu thập niên 1990, sau khi Liên Xô sụp đổ, hầu hết các quốc gia theo mô hình này đều chuyển đổi theo hướng phát triển nền kinh tế thị trường ở các mức độ khác nhau, và với các sắc thái khác nhau. Trên thế giới hiện nay gần như không còn quốc gia nào phát triển theo mô hình này trừ Bắc Triều Tiên và Cu Ba nhưng trên thực tế thì hiện nay Cu Ba cũng đang tiến hành cải cách nền kinh tế theo hướng phát triển nền kinh tế thị trường.

**2.3. Mô hình Phát triển kinh tế Đông Á**

**a. Đặc trưng chính của Mô hình Phát triển kinh tế Đông Á**

Mô hình phát triển Đông Á là thuật ngữ mà các chuyên gia Harvard và nhiều chuyên gia ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các tổ chức có trách nhiệm toàn cầu về phát triển như UNDP, WB, IMF,... đã sử dụng để ám chỉ một cách tương đối mô hình phát triển của các nền kinh tế mới công nghiệp hoá Châu Á NICs/NIES (NICs - Newly Industrializing Countries / NIEs-Newly Industrialized Economies) gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Singapore. Trong 5 nền kinh tế này thì Singapore nằm trong số các quốc

gia Đông Nam Á nhưng xét về sự tương đồng một cách tương đối về mô hình phát triển kinh tế thì người ta đặt mô hình phát triển kinh tế của Singapore vào Mô hình phát triển Đông Á.

Với tốc độ phát triển nhanh, nên vào những năm 1990 người ta gọi sự kiện phát triển của các nền kinh tế này là “sự thần kỳ Đông Á”. Giới truyền thông và các học giả thường gọi các nền kinh tế này là “Những con rồng Châu Á”.

Có rất nhiều nghiên cứu về mô hình phát triển Đông Á nhưng tựu chung lại thì mô hình này có mấy đặc trưng chính sau:

**Nhà nước:**

(1) Các nước Đông Á đều có chính phủ năng động, hiệu quả. Đặc trưng cơ bản của mô hình phát triển Đông Á là khả năng của nhà nước trong việc áp đặt kỷ cương đối với nhóm lợi ích, nhất là khi các nhóm này cản trở sự phát triển của nền kinh tế. Mặc dù trong lịch sử phát triển, cũng có thời điểm các nước theo mô hình này cũng không tránh khỏi vấn đề về lợi ích nhóm. Việc áp đặt kỷ cương của nhà nước ở các NICs/NIEs luôn bị phương Tây phê phán là độc tài, thiếu dân chủ hoặc có sự can thiệp của giới quân sự.

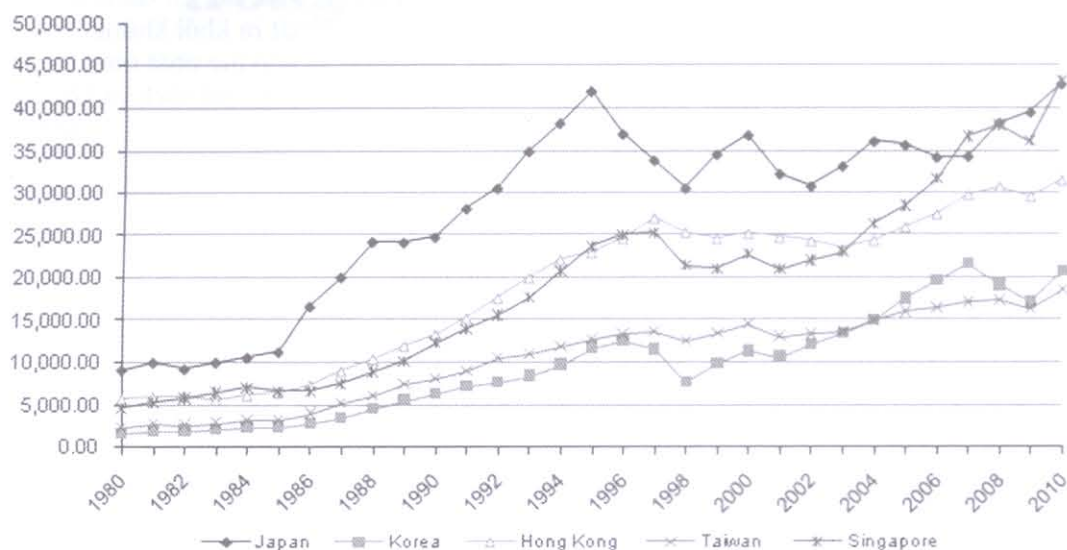
(2) Mỗi khi có những biến động về kinh tế hoặc cần có những thay đổi thì các quốc gia Đông Á luôn có được những quyết tâm mạnh mẽ từ lời nói tới hành động trong việc cải cách hay thay đổi để loại bỏ những yếu kém trong cấu trúc nền kinh tế. Điều này được thể hiện rất rõ nét trong cuộc khủng hoảng 1997 và khủng hoảng 2008.

**Thị trường:**

(3) Các quốc gia Đông Á luôn phát triển doanh nghiệp theo hướng làm gia tăng sức cạnh tranh quốc tế. Các nước này đã thực hiện một chính sách kiên trì nhiều khi đến cực đoan trong việc theo đuổi kỹ năng, công nghệ và tri thức tiên tiến để giúp các doanh nghiệp của mình xâm nhập vào thị trường quốc tế và hiện đại hóa sản xuất. Nhà nước căn cứ vào thành công trong kinh doanh để đánh giá các doanh nghiệp. Nhà nước định một ranh giới rạch ròi giữa những thế lực kinh tế và chính trị. Chính phủ thường xuyên từ chối yêu cầu ngay cả của những tập đoàn có thế lực nhất về mặt chính trị mỗi khi lợi ích xã hội bị xâm phạm.

(5) Các nước Đông Á xây dựng cho mình một hệ thống tài chính năng động, hiệu quả và minh bạch. Chính phủ các nước này thường dành một phần lớn thu nhập quốc dân cho các hoạt động đầu tư một cách có hiệu quả. Chính phủ đóng vai trò then chốt trong việc điều tiết thị trường để giảm thiểu những rủi ro có tính hệ thống.

Hình 3: GDP bình quân đầu người ở NICs/NIEs “Các con rồng Châu Á”



Đơn vị tính: USD (GDP tính theo giá hiện tại)

Nguồn: IMF, World Economic Outlook Database, Sept. 2011

(6) Các nước Đông Á đều phát triển kinh tế theo hướng xây dựng những thành phố đầu tàu, năng động về mặt văn hóa, trật tự về mặt xã hội, an toàn về mặt vệ sinh, môi trường, làm động lực cho tăng trưởng và đổi mới kinh tế.

(3) Các nước Đông Á đầu tư hết sức mạnh mẽ cho giáo dục ở tất cả các cấp, có tầm nhìn chiến lược toàn diện cho sự phát triển nguồn lực con người. Họ đã xây dựng được một nền giáo dục và y tế đạt chuẩn quốc tế cho người dân của mình. Năm 1971, khi số kỹ sư ở các nước có mức thu nhập trung bình thời đó là 4,6/1.000 dân, thì tỷ lệ này ở Singapore là 10/1.000, ở Đài Loan là 8/1.000. Không những thế, ngay cả những chiến lược công nghệ có tính định hướng của chính phủ các nước này cũng được bắt đầu từ việc đầu tư vào vốn con người. Ngày nay, nhiều trường đại học của các nước này nằm trong danh sách 100 trường đại học hàng đầu của Châu Á. Trong đó, Singapore là một quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á có trường đại học nằm trong danh sách trên.

#### Xá hội:

(7) Công bằng xã hội là một trong những đặc trưng quan trọng của mô hình Đông Á. Mặc dù có mức thu nhập cao nhưng các nước Đông Á vẫn có phân phối thu nhập tương đối đồng đều (hơn hẳn so với các nước Đông Nam Á). Ngay từ những năm 1980, các nền kinh tế này đã có mức thu nhập bình quân đầu người vượt qua chuẩn nghèo của UN cũng như của WB (Chuẩn nghèo của UN là 960 USD/người, của WB

là 875USD/người). Vào những năm 1990, các nước này đã vượt qua bẫy thu nhập trung bình và trở thành các nền kinh tế mới công nghiệp hoá có mức thu nhập cao (trên 10.000USD).

#### b. Điều kiện ra đời, tồn tại và phát triển

Vào những năm 1990, trước sự phát triển nhanh của bốn nền kinh tế châu Á là Nhật Bản, Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan và Singapore đã gây được sự chú ý của thế giới. Nhiều chuyên gia nghiên cứu, các trường đại học, các viện nghiên cứu cũng như các tổ chức quốc tế đã nghiên cứu và đúc kết kinh nghiệm phát triển của bốn nền kinh tế này và dùng thuật ngữ Mô hình phát triển Đông Á để ám chỉ một cách tương đối mô hình phát triển của các nền kinh tế mới công nghiệp hoá Châu Á NICs/NIEs.

Về mặt thị trường, nhìn chung sự phát triển của các nước theo mô hình này có chiến lược phát triển được chia làm ba giai:

Giai đoạn 1: Thay thế nhập khẩu: Ưu tiên cho phát triển các ngành công nghiệp phục vụ trong nước như dệt may, thực phẩm, hàng tiêu dùng,...

Giai đoạn 2: Hướng ra xuất khẩu: Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng truyền thống có hiệu quả kinh tế cao, đồng thời dựa vào vốn đầu tư nước ngoài phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, từng bước hướng ra xuất khẩu.

Giai đoạn 3: Phát triển các ngành công nghệ cao:

Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các ngành kỹ thuật cao như điện tử, tin học, hóa chất, kỹ thuật hàng không vũ trụ,...

Ban đầu phải kể đến Nhật Bản, đây là nước bại trận sau thế chiến thứ hai (1945), Nhật Bản đã dồn toàn lực vào phát triển kinh tế theo “Mô hình đàn nhạn bay”<sup>3</sup>. Ban đầu Nhật Bản bắt đầu phát triển ngành nông nghiệp và các ngành công nghiệp nhẹ (như dệt may, thực phẩm, hàng tiêu dùng,...) phục vụ nhu cầu trong nước, sau đó mới hướng ra xuất khẩu và phát triển các ngành công nghệ cao.

Sau này, mô hình phát triển kinh tế của nhiều nước Đông Á nghiên cứu kỹ lưỡng. Nhiều điểm chính của chiến lược phát triển kinh tế của Nhật Bản đã được “các con rồng châu Á” (như Hà Quốc, Singapore) nghiên cứu kỹ lưỡng và học tập. Các nước này đều hiểu Nhật Bản khởi đầu từ những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và sử dụng thu nhập từ xuất khẩu trong các ngành này để mua mới trang thiết bị, máy móc.

Khi nói tới Mô hình Phát triển kinh tế Đông Á, người ta thường nhắc tới vai trò của người lãnh đạo. Nhật Bản chịu nhiều ảnh hưởng của cải cách Minh Trị trước đó, Đài Loan có Tưởng Giới Thạch, Singapore khi bắt đầu thành lập có Lý Quang Diệu, Hàn Quốc có Pak Chung Hee, Choe Gyu Ha và Chun Doo Hwan đều là những người thực thi chính sách độc đoán, thiếu dân chủ vận hành trong sự thao túng của giới quân sự.

Các nước Đông Á đi sau cũng thấy được vai trò then chốt của chính phủ trong việc dẫn dắt những thay đổi. Những gì các nước Đông Á thấy được từ mô hình của Nhật Bản đã cho họ một niềm tin rằng họ cũng có thể thành công vào những gì họ theo đuổi.

Tuy nhiên, khoảng 15 năm trở lại đây, tốc độ phát triển kinh tế các nước Đông Á đều chậm lại, đặc biệt là Nhật Bản. Hơn thế, với khủng hoảng kinh tế thế giới 2008, thì các nền kinh tế này lại bộc lộ nhiều vấn đề bất cập như:

- Nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào bên ngoài, đặc biệt là phụ thuộc vào xuất khẩu và thị trường thế giới.
- Tốc độ phát triển của khoa học kỹ thuật trên thế giới thay đổi quá nhanh, chu kỳ sống của sản phẩm được rút ngắn nên lợi thế trong sản xuất các sản phẩm chắc bền không còn là ưu thế nữa.
- Chính sách lãi suất thấp không phát huy tác dụng và có nguy cơ rơi vào bẫy thanh khoản.
- Các nước này phải đối mặt với vấn đề dân số già và tỷ lệ sinh giảm.

Tóm lại, dù thế nào thì đây vẫn là mô hình phát

triển được nhiều học giả trên thế giới cũng như các tổ chức quốc tế thuộc chính phủ và phi chính phủ, đặc biệt là các tổ chức có trách nhiệm toàn cầu về phát triển như UNDP, WB, IMF,... đánh giá là thành công. Tuy nhiên, để thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008 và tiếp tục phát triển thì các nước theo mô hình này cần phải cải cách và khắc phục các vấn đề còn tồn tại của mình.

*(Còn tiếp)*

**Chú thích**

<sup>1</sup> Phạm Ngọc Linh và Nguyễn Thị Kim Dung (2008), Giáo trình Kinh tế Phát triển, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, trang 51.

<sup>2</sup> John Williamson (2002), “What Washington Means by Policy Reform”, Peterson Institute for International Economics.

<sup>3</sup> “Mô hình đàn nhạn bay” là tên gọi chứ không phải mô hình kinh tế do học giả người Nhật là Akamatsu Kaname đưa ra từ những năm 1930 và phổ biến ở thập niên 1960. Hai học giả là Kojima Kiyoshi và Okita Saburo là người có công phổ biến nó với ba phiên bản là (1) cho phát triển một sản phẩm, (2) cho phát triển nhiều sản phẩm và (3) cho nhiều nước.

## PHIẾU ĐẶT BÁO

---

**Giảm 15%**  
**khi đặt báo trực tiếp**  
**Gọi số: 0904875298**  
**hoặc gửi phiếu này đến Tòa soạn**

Họ và tên: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Fax: .....

Số lượng: ..... tờ/kỳ

**Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương**  
 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội  
 Tel: 04.38574312 Email: ktcatbd@gmail.com